

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Hiện đang chấp hành án tại Đội A, Phân trại số B, Trại giam C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày Sau khi tìm hiểu nhau được hơn 01 năm thì bà L và ông Nguyễn

Xuân H mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31-12-2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2016, ông H vi phạm pháp luật nên bị xử phạt tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Đồng Nai. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà L xin được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Bà L và ông H có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009. Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Xuân H, trình bày: Sau khi quen biết nhau một thời gian thì ông H và bà L mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31-12-2007 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã và xung đột, mạnh ai nấy sống. Vào năm 2016 thì ông H vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống ông H, bà L có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên ông H cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: Hiện ông H đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Đồng Nai nên đồng ý cho bà L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009 cho bà L được quyền nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà L và ông H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông H là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L, ông H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 31-12-2007 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà L, Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà L và ông H đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn còn ông H cũng đồng ý ly hôn vì thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn với ông H.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà L và ông H có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009. Bà L và ông H thỏa thuận bà L được quyền nuôi dưỡng con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu Nguyễn Ngọc D đã đủ 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống với bà L nên xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Xuân H.

2. Về nuôi con chung: Bà L và ông H có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009;

Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17-02-2009 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007574 ngày 19 tháng 11 năm 2021; bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga

